VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG - NHỮNG KINH NGHIỆM LỊCH SỬ CHO CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VIỆT NAM

PGS, TS NGUYỄN VĂN KHÁNH*

Trong quá trình chuyển hoá của phong trào giải phóng dân tộc (GPDT) Việt Nam những năm 1925-1930, Việt Nam quốc dân đảng (VNQDĐ) có những đóng góp quan trọng. Sự tồn tại và hoạt động của tổ chức này, nhất là trong khởi nghĩa Yên Bái đã thúc đẩy tinh thần yêu nước, sự phát triển của ý thức dân tộc và phong trào GPDT. Nói về ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa Yên Bái và vai trò của VNQDĐ đối với cách mạng Việt Nam, một lãnh tụ của ĐCS Đông Dương đã viết: "Đúng là phong trào công nông rộng lớn nổ ra năm 1930-1931 sau Yên Bái lại chín muồi hơn Yên Bái. Nhưng cuộc nổi dậy ở thung lũng sông Hồng đã thúc đẩy phong trào rộng lớn đó, đã là một mồi lửa đốt cháy lò lửa cách mạng to lớn ấy. Chính với ý nghĩa đó mà cuộc khởi nghĩa này đáng được chúng ta quan tâm và nó xứng đáng được ghi lên trang sử quang vinh của phong trào giải phóng dân tộc Đông Dương"[1]. VNQDĐ, với quan điểm, hoạt động yêu nước và sự thất bại đau đớn đã để lại nhiều bài học thiết thực cho cách mạng Việt Nam.

1. Về giải quyết vấn đề dân tộc

VNQDĐ ra đời với tư tưởng chính trị cốt lõi là chủ nghĩa dân tộc cách mạng là kết quả phát triển tất yếu của phong trào GPDT ở Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ I. Thực tế lịch sử ấy đã cho thấy, vấn đề GPDT là một nội dung căn bản của cách mạng Việt Nam.

Trên cả phương diện lý luận lẫn thực tiễn lịch sử lúc bấy giờ, vấn đề dân tộc luôn luôn gắn liền với vấn đề giai cấp, được mỗi giai cấp nhìn nhận và giải quyết xuất phát từ lập trường và lợi ích của chính giai cấp đó. Là một chính đảng tư sản có thành phần xã hội nòng cốt là tư sản và trí thức tiểu tư sản, VNQDĐ đã đứng trên lập trường của giai cấp tư sản dân tộc (TSDT) để giải quyết vấn đề dân tộc. Sự thất bại của VNQDĐ đã chứng tỏ sự non yếu cả về thế lực kinh tế lẫn địa vị xã hội cũng như kinh nghiệm chính trị của giai cấp tư sản. Giai cấp TSDT Việt Nam không có đủ năng lực đại diện cho dân tộc và không thể đảm nhiệm được vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam. VNQDĐ không thể giải quyết triệt để vấn đề dân tộc độc lập, do đó không đáp ứng được đòi hỏi khách quan của sự nghiệp GPDT của nhân dân ta.

Trong cuộc đấu tranh cả về tư tưởng và tổ chức giữa hai khuynh hướng cách mạng tư sản và vô sản, Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và sau này là ĐCS Việt Nam đã nhiều lần chỉ ra những hạn chế lịch sử này của VNQDĐ. Trong thời đại mới - thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH trên phạm vi toàn thế giới, phong trào GPDT Việt Nam muốn thắng lợi phải đi theo con đường của cách mạng vô sản và vấn đề dân tộc phải được giải quyết trên lập trường của giai cấp vô sản. Chỉ có giai cấp vô sản mới có đủ năng lực lãnh đạo cách mạng dân tộc vì lợi ích của nó phù hợp với lợi ích chung của dân tộc; vì giai cấp vô sản là những người "*tay không, chân rỗi, nếu mất thì họ không mất gì cả, nếu được thì họ sẽ được cả thế giới*"[2]. Bởi vậy, "*cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam phải do vô sản giai cấp lãnh đạo mới có thể đi đến thắng lợi được*"[3].

* Trường đại học khoa học xã hội và nhân văn, Đại học quốc gia Hà Nội

Xuất phát từ nhận thức đúng đắn trên, đứng trên lập trường của giai cấp vô sản, Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ngay từ đầu đã xác định mục đích tôn chỉ của mình là trước làm cách mạng quốc gia, sau làm cách mạng thế giới[4] (tức là trước hết làm cuộc cách mạng dân tộc để đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc để sau đó làm cách mạng thế giới, đánh đổ ách tư bản thực hiện CNCS). Trong các bài giảng cho các hội viên Hội thanh niên tại các lớp huấn luyện chính trị ở Quảng Châu (Trung Quốc), lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc từng nói: "Chúng ta đã hi sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi"[5]. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của ĐCS Việt Nam cũng vạch rõ tính chất, mục tiêu của cách mạng Việt Nam là "làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản". Đó là đường lối cách mạng triệt để đúng đắn của giai cấp vô sản, phản ánh được yêu cầu lịch sử và thực tiễn của cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX. Thất bại của VNQDĐ về thực chất là sự thất bại của đường lối theo quan điểm tư sản GPDT, góp phần khẳng định tính chất đúng đắn của đường lối cách mạng dân tộc dân chủ kiểu mới do ĐCS Việt Nam đề xướng và lãnh đạo. Đó là con đường đúng đắn, phù hợp nhất đối với cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ.

2. Về con đường bạo lực cách mạng và khởi nghĩa vũ trang

Đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc bằng bạo động vũ trang là tư tưởng xuyên suốt trong quá trình tồn tại và hoạt động của VNQDĐ. Chủ trương đó đã thể hiện tính chất cách mạng của VNQDĐ. Tuy nhiên, chủ trương bạo động của VNQDĐ không được thực hiện bằng một đường lối cách mạng khoa học mà chủ yếu "là hành động theo những gì mà họ có thể suy nghĩ được với cái vốn quá nghèo nàn về tri thức cách mạng"[6]. Đường lối đó đã phản ánh truyền thống đấu tranh bất khuất vì độc lập tự do của nhân dân ta, góp phần khẳng định một chân lý là muốn đánh đuổi thực dân Pháp tàn bạo, giành độc lập, cách mạng Việt Nam phải đi theo con đường cách mạng bạo lực.

Tư tưởng cách mạng bạo lực đã được ghi nhận trong các cương lĩnh chính trị của ĐCS Việt Nam năm 1930 rằng, cách mạng GPDT Việt Nam phải đi theo con đường cách mạng bạo lực, phải giành lấy chính quyền thông qua khởi nghĩa vũ trang.

Khởi nghĩa Yên Bái là sự nỗ lực cao nhất và là hành động cách mạng lớn nhất của VNQDĐ. Sự thất bại của cuộc khởi nghĩa đã để lại nhiều bài học xương máu cho cách mạng Việt Nam.

Trước hết là về điều kiện khởi nghĩa, có thể thấy rõ một điều là những lãnh tụ của VNQDĐ khi phát động khởi nghĩa đã "không tuân thủ những điều kiện cơ bản của một cuộc khởi nghĩa"[7]. Mặc dù trong chương trình hành động đề ra lúc đầu của VNQDĐ có nêu rõ 3 thời kỳ cách mạng (xây dựng lực lượng, chuẩn bị khởi nghĩa và tiến hành khởi nghĩa vũ trang) nhưng trên thực tế, những lãnh tụ của Đảng đã tỏ ra nôn nóng muốn đốt cháy giai đoạn. Ngay đến khi quyết định phát động khởi nghĩa, VNQDĐ vẫn chưa vượt qua được thời kỳ thứ nhất (tập hợp lực lượng và xây dựng cơ sở đảng). Khởi nghĩa Yên Bái đã "bị ép" phải nổ ra khi tình thế và những điều kiện cơ bản cần thiết chưa hề xuất hiện, trong tình trạng VNQDĐ đang bị thực dân Pháp khủng bố dữ dội, khiến VNQDĐ bị tổn thất nghiêm trọng, hệ thống cơ sở đảng ở các địa phương, sự phân hoá, chia rẽ trong nội bộ diễn ra ngày càng gay gắt... Các lãnh tụ VNQDĐ quyết định làm một phen sống mái với kẻ thù, là vì sự khủng bố và đàn áp của thực dân Pháp, chứ không phải xuất phát từ một cao trào cách mạng đang lên. Phát động khởi nghĩa trong điều kiện không có thời cơ, không có sự chuẩn bị đầy đủ chu đáo đã chứng tỏ tính chất manh động, xốc nổi tiểu tư sản của VNQDĐ. Khởi nghĩa vũ trang chỉ có thể giành thắng lợi khi được chuẩn bị chu đáo và khi thời cơ đã chín muồi. V.I Lênin đã từng cảnh báo: Không được đùa với khởi nghĩa vũ trang", nhưng các nhà lãnh đạo VNQDĐ đâu có hiểu điều đó và họ đã phải trả giá bằng sự thất bại hoàn toàn của một cuộc khởi nghĩa cùng sự tan rã của cả một chính đảng.

Khởi nghĩa Yên Bái còn một nguyên nhân thất bại nữa như báo *Thanh niên* đã nêu: "được chuẩn bị và tiến hành theo một phương pháp cũ kĩ, một cuộc nổi dậy của những binh lính mà không dựa vào quảng đại quần chúng thì nhất định sẽ đi đến thất bại"[8]. Theo kế hoạch, chỗ dựa chủ yếu của cuộc khởi nghĩa là lực

lượng binh lính yêu nước Việt Nam trong quân đội Pháp. Khi kế hoạch bại lộ, các cơ sở nội ứng bị phá vỡ thì khởi nghĩa đã không thể nổ ra như ở đồn binh chùa Thông (Sơn Tây), Phả Lại, Hải Dương và Kiến An. Cuộc khởi nghĩa ở Yên Bái đã tuyệt nhiên không nhận được sự hưởng ứng nào từ các tầng lớp nhân dân. Khởi nghĩa thất bại còn là do không có sự chỉ đạo tập trung và phối hợp chặt chẽ giữa các địa phương miền ngược và miền xuôi trong vùng châu thổ sông Hồng.

Thất bại của khởi nghĩa Yên Bái một lần nữa chứng minh rằng khởi nghĩa không phải là công việc của một nhóm người, cũng không phải là một cuộc âm mưu. Với bản chất của một cuộc cách mạng, khởi nghĩa vũ trang giành độc lập dân tộc, giành chính quyền là sự nghiệp cách mạng của quảng đại quần chúng có tổ chức, có huấn luyện; muốn giành thắng lợi phải được chuẩn bị chu đáo và nổ ra đúng thời cơ.

3. Về xây dựng đảng chính trị

Trong hơn hai năm tồn tại (1927-1930), VNQDĐ đã ba lần thay đổi điều lệ và hai lần thay đổi chương trình hành động nhằm làm rõ những vấn đề cơ bản trong đường lối chính trị của mình. Tuy nhiên, những cố gắng này càng chứng tỏ tính thiếu nhất quán trong quan điểm chính trị của VNQDĐ. Về thực chất, đường lối chính trị của VNQDĐ chỉ là sự chắp vá, vay mượn của nhiều trào lưu tư tưởng khác nhau, trong đó có không ít quan điểm đã trở nên lỗi thời, không phù hợp với yêu cầu của thời đại mới. Các vấn đề trong đường lối cũng rất mơ hồ, ngay cả chủ nghĩa của Đảng cũng không được xác định một cách rõ ràng, lúc là "chủ nghĩa xã hội dân chủ", khi lại được thay bằng khẩu hiệu "Tự do - Bình đẳng - Bác ái" của cách mạng Pháp và cuối cùng là chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn.

VNQDĐ cũng không chú ý tuyên truyền, huấn luyện. Điều đó đã dẫn tới sự không thống nhất trong nhận thức tư tưởng của các đảng viên, thể hiện khá rõ rệt sự phân hoá trong nội bộ đảng trước và sau khởi nghĩa Yên Bái thất bại.

VNQDĐ đã đạt được kết quả nhất định trong xây dựng hệ thống tổ chức từ trung ương đến cơ sở, nhưng không chặt chẽ vì nguyên tắc tổ chức của Đảng trong thực tế không được tôn trọng. Việc kết nạp đảng viên tuỳ tiện trong các thành phần xã hội phức tạp đã tạo cơ hội cho thực dân Pháp cài cắm nhiều nội gián vào Đảng để tiến hành khủng bố sau vụ ám sát Bazin vào tháng 2 -1929, khiến cho hệ thống tổ chức của Đảng ở một số nơi nhanh chóng tan vỡ.

Báo *Thanh niên* số 182 (ra ngày 28-6-1929) đã nhận xét: "Lý thuyết của Việt Nam quốc dân đảng thì mơ hồ, tổ chức của Đảng thì không hiệu năng, còn đảng viên của Đảng thì pha tạp"[9]. Phê phán những hạn chế đó của VNQDĐ, báo *Thanh niên* đã khẳng định, cách mạng Việt Nam muốn thắng lợi phải được một đảng vững mạnh, trang bị bằng hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin lãnh đạo. Trái với VNQDĐ, ĐCS Việt Nam ngay khi ra đời đã chú trọng xây dựng thành một đảng vững mạnh, cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức theo học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin. Vì thế Đảng đã lãnh đạo thắng lợi Cao trào Xôviết Nghệ - Tĩnh (1930-1931) và sau khi thực dân Pháp đàn áp, cách mạng lâm vào thoái trào, ĐCS Việt Nam không những không bị tan rã mà còn giữ vững vai trò lãnh đạo cách mạng.

4. Bài học về xây dựng lực lượng cách mạng và khối đoàn kết dân tộc

Xuất phát từ lập trường tư sản, VNQDĐ trong quá trình xây dựng lực lượng cách mạng đã không nhìn thấy được vai trò và sức mạnh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Tại Đại hội II của ĐCS Đông Dương (2-1951), Tổng bí thư Trường - Chinh đã nhận xét: "Cuộc khởi nghĩa Yên Bái bị dìm trong máu (1930) đã kết thúc thời kỳ cách mạng do tư sản dân tộc và tiểu tư sản lãnh đạo. Các cuộc vận động cách mạng của thời kỳ này thất bại là vì không lập được mặt trận dân tộc thống nhất lấy công nông làm nền tảng, chống đế quốc và bọn phong kiến phản động, các đảng phái cách mạng không ăn sâu bám chắc trong quần chúng, kỷ luật không nghiêm, đường lối chính trị không được thiết thực rõ ràng..."[10]. Sự hạn chế về đường lối chính trị đã dẫn VNQDĐ đến chỗ chỉ chú trọng tuyên truyền giác ngộ tập hợp các lực lượng là binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp, tư sản dân

tộc, tiểu tư sản ở thành thị, tầng lớp phú hào, địa chủ giàu có ở nông thôn và coi đó là lực lượng chủ yếu của cách mạng. Do đó, VNQDĐ chỉ có thể phát động một "cuộc cách mạng dân tộc có tính chất tư sản"[11] và "cũng chỉ mang theo cái tính chất xốc nổi, manh động nhất thời của bản chất tiểu tư sản mà thôi"[12].

Trong xã hội Việt Nam thuộc địa, giai cấp công nhân và giai cấp nông dân là đông đảo, chiếm đa số dân cư và cũng là hai giai cấp bị áp bức, bóc lột nặng nề nhất, tàn bạo nhất. Hai giai cấp ấy làm chủ lực quân của cách mạng, không phải chỉ vì đây là lực lượng to lớn, mà do bị "bóc lột hơn hết và bị áp bức hơn hết" nên mang tính cách mạng triệt để nhất.

Không biết dựa vào sức mạnh quần chúng công - nông là hạn chế giai cấp của VNQDĐ. Theo đó, VNQDĐ đã góp phần giúp cho cách mạng Việt Nam sắp xếp đúng vị trí, vai trò của hai giai cấp công nhân, nông dân trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù dân tộc; đồng thời là cơ sở để đoàn kết, tập hợp mọi lực lượng nhân dân vào một mặt trận dân tộc thống nhất lấy chủ nghĩa yêu nước Việt Nam làm điểm chung. VNQDĐ xây dựng được cơ sở trong hàng ngũ binh lính Việt Nam vì hầu hết họ là những người bị bắt buộc đi lính cho giặc Pháp. Họ là những người nghèo khổ, mang trong mình dòng máu con Lạc cháu Hồng, dòng máu yêu nước chống thực dân Pháp trước đó. Chính vì vậy cần phải lôi kéo và tập hợp những binh lính yêu nước vào hàng ngũ của cách mạng. Giai cấp tiểu tư sản thành thị, giai cấp TSDT mặc dù lực lượng nhỏ, yếu, hay dao động, song đa số họ cũng có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, nên cần phải lôi kéo và tập hợp vào mặt trận cách mạng. Riêng giai cấp địa chủ phong kiến đến lúc này đã phản bội lợi ích dân tộc, đối lập với quyền lợi nhân dân, nhưng vẫn có những cá nhân nhân sĩ, quan lại có tinh thần yêu nước, ghét thực dân Pháp, cách mạng cần lôi kéo hoặc ít ra là trung lập họ.

Tóm lại, bằng sự tồn tại và các hoạt động của mình, VNQDĐ về khách quan đã có những đóng góp quan trọng trong việc tuyên truyền và giác ngộ chủ nghĩa yêu nước và ý thức dân tộc trong nhân dân, để lại cho cách mạng nước ta những bài học hết sức quí báu về việc giải quyết vấn đề dân tộc, xây dựng một đảng chính trị, về khởi nghĩa vũ trang, tập hợp lực lượng hình thành mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi chống đế quốc xâm lược.

ĐCS Việt Nam, trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc khởi thảo, đã chủ trương thu phục đại bộ phận công nhân và nông dân, đồng thời ra sức "lôi kéo tiểu tư sản, trí thức và trung nông về giai cấp vô sản..., tập hợp hoặc lôi kéo phú nông, tư sản và tư sản bậc trung..."[13] đi theo cách mạng. Từ quan điểm chiến lược đặt nhiệm vụ GPDT lên hàng đầu, lãnh tụ Hồ Chí Minh và ĐCS Việt Nam đã đề ra đường lối đúng, chủ trương sáng suốt phải thành lập một mặt trận dân tộc thống nhất càng ngày càng rộng rãi. Mặt trận Việt Minh là một hình thức điển hình của Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, góp phần quyết định đưa tới thắng lợi rực rỡ của Cách mạng tháng Tám năm 1945. Đó là bằng chứng hùng hồn nhất khẳng định tính đúng đắn trong đường lối cách mạng của Đảng ta, trên cơ sở đúc rút những kinh nghiệm lịch sử chống thực dân Pháp của dân tộc, của các đảng phái chính trị trong đó có VNQDĐ của lãnh tụ Nguyễn Thái Học.

---

1. Hồng Thế Công: *Lược thảo lịch sử phong trào cộng sản Đông Dương*, Bản dịch tiếng Pháp, lưu tại Viện lịch sử Đảng, Học viện CTQG Hồ Chí Minh

2, 5. *Hồ Chí Minh Tuyển tập*, ST, H, 1980, T.1, tr.238, 242

3. *Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam*, Tập I (trích Văn kiện Đảng), Ban tuyên huấn Trung ương xuất bản, H, 1977, tr.39 - 40

4. *Các tổ chức tiền thân của Đảng*, ST, H, 1977, tr. 36

6, 7. *Khởi nghĩa Yên Bái* 2-1930, *một số vấn đề lịch sử, Kỷ yếu Hội thảo khoa học*, Yên Bái, 1997, tr.206, 249

8. Dẫn theo Ngô Văn Hoà, Dương Kinh Quốc: *Giai cấp công nhân Việt Nam những năm trước khi thành lập Đảng*, NXB Khoa học xã hội, H, 1979, tr.362

9, 10. Lê Duẩn: *Một vài đặc điểm của cách mạng Việt Nam*, ST, H, 1958, tr.10, 11

11. ĐCS Việt Nam : *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 2001, T.12, tr 85

12. Nguyễn Khánh Toàn: *Vấn đề dân tộc trong cách mạng vô sản*, ST, H, 1960, tr.90

13. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 2000, T.3, tr.3-4.